

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xôm**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Khoàng Văn Hạc**.

2. Ông **Nguyễn Xuân Hoàng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện
Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn
nhân gia đình thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02/8/2024 về việc ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
20/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số:
10/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị V** - Sinh năm: 1994.

Bị đơn: Anh **Vừ A R** - Sinh năm: 1994.

Cùng địa chỉ cư trú: **Bản S, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên**. Chị **Hồ Thị V**
và anh **Vừ A R** đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 29 tháng 7 năm 2024, trong quá
trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Hồ Thị V** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh **Vừ A R** quen biết và tìm hiểu nhau năm 2010,
sau khi được hai bên gia đình đồng ý chúng tôi tự nguyện về chung sống với
nhau như vợ chồng và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa
phương từ năm 2011 đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, không
mâu thuẫn gì lớn, sau đó dần xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm năm 2021 vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân là do anh **R** có người phụ nữ khác không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, việc mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thay đổi được. Đến nay tôi xác định không còn tình cảm với anh **R** nữa nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **R** theo quy định của pháp luật.

*** Về con chung, con riêng, con nuôi:**

Chúng tôi có 02 con chung: **Vừ Thị H**, sinh ngày 06/02/2011; **Vừ Trung S**, sinh ngày: 04/7/2014, khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Còn cháu **S** có nguyện vọng ở với anh **R** và anh **R** cũng có nguyện vọng được nuôi cháu **S**, tôi đồng ý để anh **R** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **S** cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng:** Chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về nợ chung, riêng:** Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 14 tháng 8 năm 2024, trong quá trình giải quyết bị đơn anh **Vừ A R trình bày:**

Anh đồng ý với những lời trình bày của chị **V**, anh và chị chung sống với nhau từ năm 2011 chưa đăng ký kết hôn. Từ đầu năm 2021 cho đến nay thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong cuộc sống, đến nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị **V** có đơn xin ly hôn. Chúng tôi không có đăng ký kết hôn nên tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Về con chung, con riêng, con nuôi:**

Chúng tôi có 02 con chung: **Vừ Thị H**, sinh ngày: 06/02/2011; **Vừ Trung S**, sinh ngày: 04/7/2014, cháu **H** có nguyện vọng ở với mẹ, cháu **S** có nguyện vọng ở với tôi, tôi đồng ý theo nguyện vọng của các cháu và chị **V**. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***) Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:** Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 70,71, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD; thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị **Hồ Thị V** và anh **Vừ A R**.

Về con chung: Giao cháu **Vừ Thị H**, sinh ngày: 06/02/2011 cho chị **Hồ Thị V** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động; Giao cháu **Vừ Trung S**, sinh ngày: 04/7/2014 cho anh **Vừ A R** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Ghi nhận việc anh, chị thoả thuận thống nhất không cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nào.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị **V**, anh **R** cùng thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Chị **V** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị **V**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nuôi con khi ly hôn, bị đơn anh **Vừ A R** cư trú tại bản Sa Lông 2, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân:

[2]. Chị **Hồ Thị V** và anh **Vừ A R** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho đến thời điểm đề nghị Tòa án giải quyết mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị **V** và anh **R** thấy rằng từ năm 2011 thì anh, chị chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống. Anh, chị không còn tôn trọng và không còn quan tâm nhau nữa. Mặc dù sự việc đã được hai bên gia đình, khuyên giải nhưng không mang lại kết quả gì. Tại phiên tòa chị **V**, anh **R** đều khẳng định cho đến thời điểm này anh, chị

không còn tình cảm với nhau nữa vì sống với nhau không hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh **R**, chị **V** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, mặc dù có đủ điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng anh, chị vẫn không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật HN&GD năm 2014 thì việc sống chung như vợ chồng của anh **R** và chị **V** không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào Luật HN&GD năm 2014; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014” không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Hồ Thị V** và anh **Vừ A R**.

Xét về con chung:

[3]. Chị **V** và anh **R** có 02 con chung: **Vừ Thị H**, sinh ngày: 06/02/2011 và cháu **Vừ Trung S**, sinh ngày: 04/7/2014, theo nguyện của các cháu và anh **R**, chị **V** thoả thuận thống nhất: Chị **V** có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **H**, anh **R** có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **S** cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu không bên nào trợ cấp nuôi con cho bên nào. Xét nguyện vọng của các cháu và thoả thuận thống nhất của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:

[4]. Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà anh **R** và chị **V** cùng thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết, do vậy, HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí:

[5]. Chị **V** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị **V**.

Về ý kiến giải quyết vụ án của đại diện Kiểm sát viên sát tại phiên toà phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 57, Điều 58, Điều 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD; căn cứ vào khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP

ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị V và anh Vừ A R.

2. Về con chung:

Giao cháu Vừ Thị H, sinh ngày: 06/2/2011 cho chị Hồ Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Giao cháu Vừ Trung S, sinh ngày: 04/7/2014 cho anh Vừ A R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc thoả thuận của chị V và anh R không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu. Tòa án sẽ xem xét và giải quyết theo quyết định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng: Không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí DS-ST cho chị Hồ Thị V.

5. Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/9/2024.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Quàng Văn Xôm

